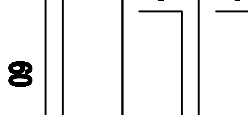
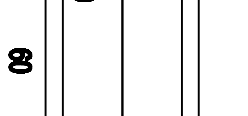


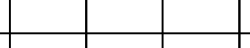
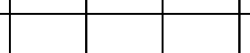

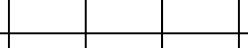
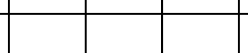
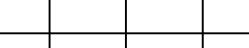
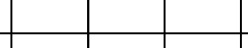


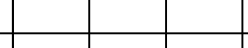


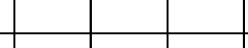
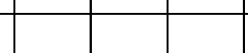


(Nhà vùng đồng bằng)

BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP SÀN SENO, GIẰNG THU HỒI

CẦU KIẾN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 CK	T. BỎ		
SÀN SENO (SL: 1)	1	70  70	8	840	20	20	16.8	6.63
	2	270  270	6	4500	3	3	13.5	3.00
GM1 (SL: 2)	1	 23500	10	24300	2	4	97.2	59.93
	2	 60 160 60	6	280	118	236	66.08	14.67
LT-1 (SL: 1)	1	 3960	8	3960	4	4	15.84	6.25
	2	90  90 60	6	480	26	26	12.48	2.77
LT-OV-1 (SL: 1)	1	 1200	8	1200	4	4	4.8	1.89
	3	 980	6	980	3	3	2.94	0.65
	2	90  90 60	6	480	9	9	4.32	0.96
	4	90  440 50	6	580	7	7	4.06	0.90
LT-OV-2 (SL: 4)	1	 1640	8	1640	4	16	26.24	10.35
	3	 1190	6	1190	3	12	14.28	3.17
	2	90  90 60	6	480	12	48	23.04	5.11
	4	90  440 50	6	580	9	36	20.88	4.63
LC-1 (SL: 2)	1	 1560	8	1560	2	4	6.24	2.46
	2	 60 90 60	6	210	8	16	3.36	0.75
GT1 (SL: 1)	1	 2800	8	2800	2	2	5.6	2.21
	2	60  90 60	6	210	15	15	3.15	0.70
THKL (kg): Ø6: 37.3 Ø8: 29.8 Ø10: 59.9								